TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VŨ THƯ** **TỈNH THÁI BÌNH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 03/2020/DS-ST
Ngày: 01-9-2020
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VŨ THƯ - TỈNH THÁI BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Nhiễu.

2. Bà Đoàn Hải Yến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình tham gia phiên tòa: Bà Bùi Thị Vân Anh- Kiểm sát viên.

Ngày 01 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 05/2020/TLST-DS ngày 14 tháng 5 năm 2020 về việc tranh chấp về Hợp đồng tín dụng theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 06/2020/QĐXXST-DS ngày 12 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng C**

Địa chỉ: Số x, phố L, phường H, quận H, Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng Giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Ngọc S – Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện V, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo ủy quyền lại: Ông Trần Văn G, sinh năm: 1968, Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện V, tỉnh Thái Bình. Địa chỉ: Phòng giao dịch Ngân hàng C huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Bị đơn: Bà **Trần Thị D** – Sinh năm 1967, địa chỉ: Thôn B, xã V, huyện V, tỉnh Thái Bình.

(Ông Giang có mặt, bà D có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*/ Theo đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2019, bản tự khai và tài liệu, chứng cứ đã xuất trình và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày như sau:

Ngân hàng C (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) có ký hợp đồng với bà Trần Thị D vay theo chương trình cho vay từ quỹ Quốc gia về Giải quyết việc làm theo Quyết định số 71/2005/QĐ-TTg ngày 05/04/2005 của Thủ Tướng Chính phủ (nay là Nghị Đinh 61/2015/NĐ-CP ngày 09/07/2015) của Thủ Tướng Chính Phủ. Căn cứ Quyết định số: 2533/QĐ-UBND ngày 08/6/2015 của Chủ tịch UBND huyện Vũ Thư về việc phê duyệt vay vốn từ Quỹ quốc gia hỗ trợ việc làm đối với chủ dự án là bà Trần Thị D được thể hiện ở Sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ ngày 09/6/2015 số tiền vay 20.000.000 đồng, (Hai mươi triệu đồng), thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0,55%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi vay. Với mục đích vay vốn cải tạo chuồng, chăn nuôi bò sinh sản, ngày 09/6/2015 bà Trần Thị D đã nhận đủ số tiền vay là 20.000.000 đồng (Phiếu giải ngân ngày 09/6/2015). Ngày 07/6/2017 Ngân hàng chính sách đã gia hạn khoản nợ trên cho bà D 01 năm hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2018. Đến ngày 07/6/2018 bà D cũng không trả tiền cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên là quá hạn kể từ ngày 08/6/2018 với lãi suất là 0,715%/ tháng.

Kể từ ngày vay 09/6/2015 đến ngày 07/06/2017 bà Trần Thị D mới trả cho Ngân hàng C số tiền lãi là 2.673.004 đồng. Còn lại số tiền nợ gốc và lãi phát sinh tính đến ngày 01/9/2020 là 25.052.684 đồng.

Trong đó:

+ Nợ gốc: 20.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn từ 07/6/2017 đến 07/6/2018 là 729.534 đồng

+ Nợ lãi quá hạn từ 08/6/2018 đến 01/9/2020 là 4.323.150 đồng.

Mặc dù đã được Tổ tiết kiệm và vay vốn, tổ chức Hội đoàn thể, chính quyền địa phương xã Vũ Tiến và Ngân hàng C có biên bản làm việc đôn đốc nhắc nhở nhiều lần nhưng bà Trần Thị D cố tình không chịu trả nợ vốn vay cho nhà nước. Ngân hàng C đề nghị Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư buộc bà Trần Thị D phải trả số tiền còn nợ gốc và lãi cho Ngân hàng C tính đến ngày

01/9/2020 là 25.052.684 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 02/9/2020 đến khi thực tế bà D trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất ghi trong hợp đồng.

* Tại biên bản lấy lời khai ngày 16/6/2020, bị đơn bà Trần Thị D trình bày: Năm 2015 bà có vay của Ngân hàng C số tiền là 20.000.000 đồng thời gian vay và lãi suất là bao nhiêu thì bà không nhớ, số tiền vay này là do bà Trâm là chị dâu của bà vay lại. Sau khi vay bà có trả được một phần tiền lãi là khoảng hơn 2 triệu đồng. Bà thừa nhận có nợ Ngân hàng C nợ gốc là 20.000.000 đồng (Hai mươi triệu đồng). Chữ ký và chữ viết trong sổ vay vốn, phiếu giải ngân ngày 09/6/2015, sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay, thu nợ, dư nợ của Ngân hàng chính sách là của bà. Hiện nay hoàn cảnh bà rất khó khăn, không có tiền để tiếp tục trả gốc và lãi cho Ngân hàng C nữa. Do hoàn cảnh khó khăn nên bà đề nghị Tòa án miễn giảm án phí cho bà.

*/Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình có quan điểm: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Nguyên đơn đã chấp hành đúng pháp luật trong quá trình tham gia tố tụng, bị đơn chấp hành một phần pháp luật tố tụng dân sự. Đại diện Viện kiểm sát không có yêu cầu, kiến nghị gì thêm. Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 147, 161, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, 119, 357, 280, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao; khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Trần Thị D phải có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ theo Chương trình cho vay chính sách giải quyết việc làm ngày 09/6/2015, tính đến ngày 01/9/2020 theo Bảng kê tính lãi của Ngân hàng. Tiền lãi đối với khoản vay được tiếp tục tính kể từ ngày 02/9/2020 đến khi bà D thực tế thanh toán xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Đề nghị giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm cho bà D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên toà, và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả tiền vay gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng nên xác định đây là tranh chấp về hợp đồng tín dụng; bị đơn trú tại thôn Bồng Lai, xã Vũ Tiến, huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình do vậy vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình theo quy định tại khoản 3 Điều 26, khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có Đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy:

Theo sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ, Phiếu giải ngân ngày 09/6/2015 của Ngân hàng chính sách, lời khai của bà Trần Thị D thể hiện: ngày 09/6/2020 bà D có vay của Ngân hàng C số tiền 20.000.000 đồng, thời hạn vay 24 tháng, lãi suất 0,55%/ tháng, lãi suất quá hạn bằng 130% lãi suất khi vay là 0,715%/tháng. Với mục đích vay vốn cải tạo chuồng, chăn nuôi bò sinh sản. Định kỳ trả gốc 12 tháng, số tiền gốc mỗi kỳ 10.000.000 đồng. Thời hạn trả nợ cuối cùng vào ngày 07/6/2018. Bà D đã nhận đủ số tiền 20.000.000 đồng. Kể từ ngày vay 09/6/2015 đến ngày 07/06/2017 bà Trần Thị D mới trả cho Ngân hàng C số tiền lãi là 2.673.004 đồng. Ngày 07/6/2017 Ngân hàng chính sách đã gia hạn khoản nợ trên cho bà D 01 năm hạn trả nợ cuối cùng là ngày 07/6/2018. Đến ngày 07/6/2018 bà D cũng không trả tiền cho Ngân hàng nên Ngân hàng đã chuyển khoản nợ trên là quá hạn kể từ ngày 08/6/2018 với lãi suất là 0,715%/ tháng.

Xét thấy tại thời điểm giao kết hợp đồng, hai bên hoàn toàn tự nguyện, có đầy đủ năng lực pháp luật, năng lực hành vi dân sự nên xác định đây là giao dịch hợp pháp. Đến thời hạn trả nợ, bà Trần Thị D vẫn không trả được nợ gốc và lãi đầy đủ là vi phạm vào quy định tại điểm c, tiểu mục 2.2, mục 2 quy định về quyền và nghĩa vụ của hộ vay. Tính đến ngày 01 tháng 9 năm 2020, bà Trần Thị D còn nợ Ngân hàng C số tiền như sau:

+ Nợ gốc: 20.000.000 đồng

+ Nợ lãi trong hạn từ 07/6/2017 đến 07/6/2018 là 729.534 đồng

+ Nợ lãi quá hạn từ 08/6/2018 đến 01/9/2020 là 4.323.150 đồng.

Tổng cộng: 25.052.684 đồng và lãi suất phát sinh từ ngày 02/9/2020 đến khi thực tế bà D trả hết nợ cho Ngân hàng theo lãi suất ghi trong hợp đồng.

Từ những đánh giá, nhận định trên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà Trần Thị D phải trả nợ gốc và nợ lãi theo đúng như các bên đã thỏa thuận.

[4] Về án phí: Bà Trần Thị D phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.250.600 đồng. Do bà D có hoàn cảnh kinh tế khó khăn, có đơn xin miễn giảm có xác nhận của Ủy ban nhân dân xã nên giảm cho bà D 50% mức án phí, bà D còn phải nộp 626.300 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 147, 161, 228, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 117, 119, 357, 280, 463, 466, 468, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ vào Điều 7, 8, 13 Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 13; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[1]. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng C. Buộc bà Trần Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng C số tiền nợ gốc, nợ lãi phát sinh theo Sổ vay vốn, Sổ lưu tờ rời theo dõi cho vay – thu nợ - dư nợ theo Chương trình cho vay chính sách giải quyết việc làm ngày 09/6/2015, tính đến ngày 01/9/2020 tổng cộng là 25.052.684 đồng *(Hai mươi lăm triệu không trăm năm mươi hai nghìn sáu trăm tám mươi tư đồng)* (trong đó: Nợ gốc: 20.000.000 đồng; Nợ lãi trong hạn từ 07/6/2017 đến 07/6/2018 là 729.534 đồng; Nợ lãi quá hạn từ 08/6/2018 đến 01/9/2020 là 4.323.150 đồng).

Kể từ ngày 02/9/2020 cho đến khi thi hành án xong, bà Trần Thị D còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

[2]. Về án phí: Giảm 50% án phí dân sự sơ thẩm cho bà Trần Thị D. Bà Trần Thị D còn phải nộp 626.300đ (Sáu trăm hai mươi sáu nghìn ba trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo: Ngân hàng C có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án 01/9/2020. Bà Trần Thị D có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc Bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Chi cục thi hành án Dân sự huyện Vũ Thư, tỉnh Thái Bình;
- Lưu: văn thư, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Hương